

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/DS-PT

Ngày 10-8-2021

V/v tranh chấp ranh giới
quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hà Nam

Các Thẩm phán:

Ông Lại Văn Tùng

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 19/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 113/2021/QĐXXPT-DS ngày 02 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Thế P, sinh năm 1947; địa chỉ: 27, T, phường 9, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Cao Quốc B, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm 8 Q, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

Ông Hoàng Ngọc D, sinh năm 1952; địa chỉ: Số nhà 14, ngõ 336 H, thị trấn Y, huyện G, thành phố Hà Nội; “Vắng mặt”.

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1926; địa chỉ: Xóm 9 Q, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hoàng Đình T1, sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm 9 Q, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đào Thị T2, sinh năm 1949; địa chỉ: 27, T, phường 9, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị T2: Ông Cao Quốc B và ông Hoàng Ngọc D (cùng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn); “Ông B có mặt, ông D vắng mặt”.

2. Ông Hoàng Đình T1, sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm 9 Q, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; cùng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn; “Có mặt”.

3. Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm 9 Q, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; “Vắng mặt”.

4. Bà Hoàng Thị T3, sinh năm 1958; địa chỉ: Xóm 8 Q, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

5. Bà Hoàng Thị T4, sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm 5 Q, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

6. Ông Hoàng Minh N1, sinh năm 1968; địa chỉ: 101H1, khu tập thể V, phường T3, quận Đ, thành phố Hà Nội. ; “Vắng mặt”.

7. Bà Hoàng Thị D1, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm 9 Q, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

8. Bà Hoàng Thị T5, sinh năm 1952; địa chỉ: Xóm 8 Q, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; đã chết tháng 11- 2020;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Hoàng Thị T5:

- Ông Cao Văn Đ1, sinh năm 1950; địa chỉ: Xóm 8 Q, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; (là chồng của bà T5).

- Chị Cao Thị T6, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm 6 Q, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; (là con của bà T5).

- Chị Cao Thị T7, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 8 H, xã G, huyện G1, tỉnh Nam Định; (là con của bà T5).

- Anh Cao Văn D2, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 8 Q, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; (là con của bà T5).

- Anh Cao Văn T8, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm 8 Q, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; (là con của bà T5).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị T3, bà Hoàng Thị T4, ông Hoàng Minh N1, bà Hoàng Thị D1, ông Cao Văn Đ1, chị Cao Thị T6, chị Cao Thị T7, anh Cao Văn D2 và anh Cao Văn T8: Ông Hoàng Đình T1 (cùng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án); “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02-7-2020, bản tự khai, biên bản hòa giải cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hoàng Thế P là các ông Hoàng Ngọc D và Cao Quốc B

trình bày: Ông P có vợ là bà Đào Thị T2. Gia đình ông Hoàng Thế P có thửa đất thổ cư, thổ canh đã được sử dụng hàng trăm năm nay do cụ Lý T9 để lại, phía Nam giáp đất hộ ông Hoàng Văn R, phía Đông giáp đường dong xóm, phía Tây giáp đường dong xóm, phía Bắc giáp đất hộ ông Hoàng Văn N2. Ranh giới là ngôi nhà cổ đã được xây dựng hàng trăm năm nay nhưng đã bị mưa bão tàn phá, bị đổ vỡ năm 1996, hiện còn phần móng nổi. Năm 2004, khi cơ quan chức năng đo đạc đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân, gia đình ông P không có mặt ở nhà nên đến khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông P bị thiếu hụt diện tích. Tháng 02 năm 2020, ông Năm cho các con cháu cầm gậy, thước dây và ngắm bằng máy ngắm mốc lấn sang phần nền nhà cũ của gia đình ông P, chiều ngang 1m, chiều dài khoảng 24m chạy song song với ranh giới hai nhà. Vì vậy, nay ông Hoàng Thế P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng Văn N2 phải tôn trọng ranh giới theo móng nhà cũ còn lại, xác định ranh giới đất giữa hai nhà tính từ móng nhà cũ của ông P sang phía đất nhà ông Năm là 0,2m giọt danh, là góc sát nhất với đất nhà ông N2 và các điểm mốc do ông B và ông Hoàng Ngọc D xác định như khi Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ.

Tại bản tự khai ngày 19/10/2020 cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền cho bị đơn Hoàng Văn N2 là ông Hoàng Đình T1 (cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) trình bày: Ông Năm và vợ là bà Vũ Thị Vân (chết năm 2004) có 7 con là ông Hoàng Đình T1, bà Hoàng Thị T3, bà Hoàng Thị T4, ông Hoàng Văn B, ông Hoàng Minh N1, bà Hoàng Thị D1 và bà Hoàng Thị T5. Bà Hoàng Thị T5 chết tháng 11-2020, có chồng là ông Cao Văn Đ1 và 5 con là chị Cao Thị T6, chị Cao Thị T7, anh Cao Văn D2 và anh Cao Văn T8. Ông Năm có thửa đất giáp ranh với nhà cụ Lý T9 (là bố của ông Hoàng Thế P, ông Hoàng Ngọc D và là ông ngoại của ông Cao Quốc B). Thửa đất tranh chấp với hộ ông Hoàng Thế P là do cha ông để lại cho ông Năm, ranh giới giữa hai thửa đất là hàng tre dây chạy thẳng từ góc ao cụ Bồn (tức bố ông Hoàng Văn M) đến góc ao của ông Hoàng Văn T9 (đường dong phía Nam). Khi ông N2 còn đang ở cùng bố mẹ chưa ra ở đất hiện nay, mảnh đất này là khu vườn trồng dong, chuối, cụ Lý T9 có cho người đào một đoạn tre dây là ranh giới đi để xây bếp. Trong quá trình xây móng bếp, cụ không theo dõi nên đã để thợ xây quá ranh giới sang đất nhà ông Năm khoảng 50cm. Do lúc đó khu vực này còn rất hoang vu, rậm rạp, không có người qua lại nên không ai biết. Khi biết sự việc thì cụ Lý T9 đã xây xong từ lâu. Sau đó ông N2 có đến nhà cụ Lý T9 nói chuyện, nhưng cụ Lý T9 nói chú đã lỡ xây rồi sau này ra đây làm nhà ở riêng thì chú trả lại đất sau. Từ đó ranh giới giữa nhà cụ Lý T9 và nhà ông Năm ổn định, không có tranh chấp, lấn chiếm, vẫn giữ nguyên hai đầu là hai hàng tre dây. Đến ngày 06-3-2020, ông Hoàng Ngọc D đã tự đào tung hết hai hàng tre xen lẫn ngũ gia bì ở hai đầu đường ranh giới đi mà không có ý kiến gì với gia đình ông Năm. Nay ông P khởi kiện ông N2 là không có căn cứ, ông không nhất trí. Ông N2 đề nghị khôi phục lại bờ tre dây phía Nam, lấy bờ tre dây và các điểm mốc do ông T1 chỉ như khi xem xét thẩm định tại chỗ để làm căn cứ xác định ranh giới.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị T2: Ủy quyền cho ông Cao Quốc B và Hoàng Ngọc D tham gia tố tụng, không có quan điểm riêng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn B trình bày: Ông

hoàn toàn đồng ý với ý kiến trình bày của bị đơn, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T3, bà Hoàng Thị T4, ông Hoàng Minh N1, bà Hoàng Thị D1, ông Cao Văn Đ1, chị Cao Thị T6, chị Cao Thị T7, anh Cao Văn D2 và anh Cao Văn T8: Ủy quyền cho ông Hoàng Đình T1 tham gia tố tụng, không có quan điểm riêng.

Văn phòng đăng ký đất đai huyện Giao Thủy cung cấp toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ ông Hoàng Văn N2 và hộ ông Hoàng Thế P và cho rằng quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều đúng quy định của pháp luật.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án:

Về các công trình xây dựng trên vị trí đất có tranh chấp: Phía Nam có tường bao của hai hộ xây tiếp giáp nhau; trên đất của hộ ông P sử dụng 01 móng nhà bằng gạch đã cũ cao hơn so với mặt đất là 0,3 m (móng nổi) có chiều dài là 6,25 m; trên đất hộ ông N2 sử dụng: có 01 bể nước mưa (theo phía ông N2, bể xây khoảng năm 1962 lúc đầu ở phía trong sân nhà ông N2 nhưng năm 1971 được di dời gần sát với móng nhà bằng gạch nêu trên); Phía Bắc, hộ ông Năm có: 01 nhà vệ sinh đã cũ xây năm 1962; 01 bụi tre đã chặt hết gần sát gốc và ao của nhà ông Hoàng Văn M.

Về mốc giới, theo xác định của các đương sự: Phía ông P xác định: Điểm mốc giới phía Nam là giao nhau giữa hai tường bao chạy qua góc móng phía sau nhà gạch cũ sang đất nhà ông N2 là tối thiểu 0,2 m đến điểm phía Bắc là góc tre cách tường kè ao ông M 0,45m. Phía ông N2 xác định: Vị trí điểm đầu bức tường bao của hai gia đình là tính từ điểm khe hở của hai bức tường sang phía bức tường nhà ông P là 0,5 m; điểm từ góc đầu nhà vệ sinh cũ sang đất nhà ông P là khoảng 0,2 m; điểm góc phía sau nhà vệ sinh cũ sang đất nhà ông P là khoảng 0,3 m; từ điểm cột mốc phía sau nhà vệ sinh (do ông T1 cắm mốc) cách mép sau nhà vệ sinh cũ là khoảng 1,35 m; từ điểm mép sau nhà vệ sinh cũ ra đến cọc tre góc ao nhà ông M là 2,76 m.

Theo mốc giới các đương sự tự xác định khi đo đạc, diện tích đất hộ ông P là 864m^2 , giảm so với số liệu bản đồ 22m^2 ; diện tích đất hộ ông N2 là 285m^2 , giảm so với số liệu bản đồ 16m^2 ; diện tích đất tranh chấp khoảng 11m^2 .

Biên bản xác minh, thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã Giao Tiến cho thấy:

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ ông P và hộ ông Năm căn cứ theo bản đồ địa chính xã Giao Tiến lập năm 2004. Địa phương hiện chỉ lưu trữ được bản đồ địa chính của các năm 1987, 1990 và năm 2004. Về nguồn gốc thửa đất của hộ ông P và hộ ông Năm đều do ông cha để lại. Quá trình sử dụng đất có sự thay đổi về diện tích. Đối với thửa đất của hộ ông Năm, theo bản đồ năm 1987, số thửa là 505, tờ bản đồ số 2, có diện tích là 320m^2 ; theo bản đồ năm 1990, số thửa là 175, tờ bản đồ số 6, có diện tích là 340m^2 ; theo bản đồ năm 2004, số thửa là 158, tờ bản đồ số 14, có diện tích là 301m^2 (trên bản đồ địa chính đều đúng

tên ông Năm), giảm 19m^2 . Đối với thửa đất của hộ ông P, theo bản đồ năm 1987, số thửa là 504, tờ bản đồ số 2, có diện tích là 1045m^2 ; theo bản đồ năm 1990, số thửa là 176, tờ bản đồ số 6, có diện tích là 1041m^2 , giảm 4m^2 ; theo bản đồ năm 2004 có số thửa là 159 tờ bản đồ số 14, có diện tích là 886m^2 , giảm 181m^2 (trên bản đồ địa chính năm 1987 và năm 1990 đứng tên ông T9 - là ông nội ông P; năm 2004 đứng tên ông P). Bản đồ năm 1987 ngõ đi vào nhà ông Năm không thể hiện trên bản đồ, chỉ thể hiện ngõ đi vào đến đất nhà ông T9 vì nhà ông N2 ở phía bên trong. Đến năm 1990 trên bản đồ thể hiện ngõ đi vào nhà ông N2 là đi qua nhà ông T10, nhà ông T9 vẫn đi ngõ cũ.

Lý do có sự giảm về diện tích đất của hộ ông N2 và hộ ông P có một số nguyên nhân như: Qua các lần đo đạc giữa hai bên và các hộ liền kề xác định mốc giới với nhau có sự thay đổi, hoặc có sai số khi đo đạc, do các hộ đều hiến đất làm đường. Các tài liệu làm căn cứ về sự thay đổi diện tích đất như trên của hai hộ do lâu ngày nên địa phương không còn lưu trữ được.

Về quá trình sử dụng đất: Đất nhà ông P từ xa xưa đã có nhà do cụ T9 xây, cụ thể xây vào thời gian nào địa phương không xác định được, hiện nay không rõ vì sao trên thửa đất chỉ còn móng nhà nhô lên so với mặt đất khoảng 0,3 m. Đất nhà ông N2 có nhà xây cấp bốn, giáp ranh đất nhà ông P và nhà ông Năm trước đây có 01 bờ tre, phía cuối nền móng nhà ông P có 01 giếng nước và 01 nhà vệ sinh cũ cuối mảnh đất nhà ông Năm hướng đi ra phía bờ ao nhà ông M. Ông Năm ra xây nhà và ở đất hiện nay từ thời gian nào địa phương không xác định được. Bờ tre ranh giới giữa hai nhà vào cuối năm 2019 ông Hoàng Ngọc D (là em ông P) đã thuê người đánh đào đi nay không còn nữa.

Từ nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 175 và Điều 176 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; xử:

1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Thế P.
2. Xác định ranh giới đất của hộ ông Hoàng Thế P và hộ ông Hoàng Văn N2 là đường thẳng nối giữa các điểm mốc số I, II, III và IV; trong đó: Điểm I là điểm nằm tại phần giao nhau giữa hai bức tường phía Nam của hai hộ; điểm II là điểm cách góc phía Tây Bắc tường móng 0,2m về phía đất hộ ông N2; điểm III là điểm mốc nằm góc ngoài phía Đông Nam tường móng Nhà vệ sinh của hộ ông N2; IV là điểm tạo bởi đường thẳng có độ dài 2,6m chạy dọc theo mép ngoài móng nổi Nhà vệ sinh hộ ông N2 đến ranh giới đất với hộ ông M. (có sơ đồ kèm theo).

Các đương sự có nghĩa vụ tôn trọng ranh giới đã được xác định và tự liên hệ với cơ quan chức năng để điều chỉnh trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, ông Hoàng Văn N2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử thấu tình, đạt lý để ông không bị thiệt thòi về quyền lợi.

Tại phiên tòa, ông Hoàng Đình T1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Văn N2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ngoài ra ông T1 còn nộp một sổ kiểu ảnh chụp cột mốc phía Nam, giữa thửa đất của gia đình ông N2 và gia đình ông P.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được đảm bảo.

Về đường lối giải quyết vụ án, căn cứ vào các tài liệu thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bác đơn kháng cáo của ông Hoàng Văn N2 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của ông Hoàng Văn N2 thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Hoàng Văn N2 được làm trong thời hạn luật định, do vậy được Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Hoàng Văn N2. Hội đồng xét xử nhận thấy. Các thửa đất tranh chấp của hộ ông Năm và hộ ông P đều có nguồn gốc của ông cha nhiều đời để lại. Về ranh giới giữa hai thửa đất các đương sự không có sự thống nhất. Theo quan điểm của ông P cho biết ranh giới về phía Bắc giữa thửa đất nhà ông với thửa đất nhà ông Năm là ngôi nhà cổ được xây dựng hàng trăm năm, đã bị mưa bão tàn phá hiện nay còn phần móng nổi. Theo quan điểm của ông N2 cho biết ranh giới giữa hai thửa đất là hàng tre dây chạy thẳng từ góc ao cụ Bồn (là bố ông Hoàng Văn M) đến góc ao của ông Hoàng Văn T10 (đường dong phía Nam). Trong khi đó các thửa đất của hộ gia đình ông P và hộ gia đình ông Năm, đều có sự thay đổi giảm đi về mặt diện tích. Cụ thể đối với thửa đất của hộ ông P theo số liệu bản đồ năm 1987 diện tích 1045m²; theo số liệu bản đồ năm 2004 diện tích còn 886m² giảm 159m²; theo kết quả đo đạc hiện trạng diện tích 864m², giảm 22m². Đối với thửa đất hộ ông Năm theo số liệu bản đồ năm 1987 diện tích 320m²; theo số liệu bản đồ năm 2004 diện tích còn 301m² giảm 19m²; theo số liệu đo đạc hiện trạng diện tích còn 285m², giảm 16m². Về nguyên nhân theo quan điểm của chính quyền địa phương và chính lời thừa nhận của các đương sự thì: Diện tích đất của hộ ông N2 và hộ ông P giảm đi so với năm 1987 là do hai gia đình đều hiến đất làm đường dong xóm. Ngoài ra có một số nguyên nhân khác như trong các lần đo đạc

đều có sai số, các hộ xác định mốc giới với nhau có sự thay đổi. Ngoài ra, khi cấp Giấy chứng nhận chỉ căn cứ vào số liệu bản đồ, không có đo vẽ hiện trạng. Do vậy, nếu chỉ căn cứ về mặt diện tích, thì không có đủ căn cứ để xác định ranh giới theo yêu cầu của các bên đương sự.

[3] Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ do cấp sơ thẩm tiến hành cho thấy, theo chiều từ Nam đến Bắc lần lượt vẫn còn tồn tại hai bức tường bao giao nhau của hai hộ, 01 móng nhà của hộ ông P, 01 bể nước và 01 nhà vệ sinh của hộ ông Năm; phần còn lại tại khu vực ranh giới đất tranh chấp là đất trống, không có công trình xây dựng. Các đương sự đều thừa nhận các công trình này được làm từ nhiều năm trước. Vì vậy cấp sơ thẩm, căn cứ vào vị trí các công trình này để xác định đường ranh giới giữa thửa đất của hộ ông P và hộ ông Năm là có cơ sở.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, ông T1 xuất trình một số kiểu ảnh chụp mốc giới đất phía Nam giữa gia đình ông Năm và gia đình ông P, theo lời khai của ông T1 xác định mốc giới đất phía Nam giữa hai gia đình, thể hiện trong ảnh nằm sang phía thửa đất của gia đình ông P khoảng 50cm. Tuy nhiên ông T1 không cung cấp được các tài liệu chứng cứ như biên bản xác định mốc giới giữa hai bên, được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực, hoặc các tài liệu khác thể hiện sự đồng thuận của cả hai bên khi xác lập mốc giới. Vì vậy một số kiểu ảnh chụp mốc giới đất phía Nam mà ông T1 xuất trình tại phiên tòa hôm nay không có giá trị chứng minh.

[5] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của ông Hoàng Văn N2, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy.

[6] Về án phí: Do ông Hoàng Văn N2 là cao tuổi, đã có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Vì vậy cần miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm cho ông Hoàng Văn N2.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

QUYẾT ĐỊNH:

Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Căn cứ vào Điều 175 và Điều 176 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; xử:

1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Thế P.

2. Xác định ranh giới đất của hộ ông Hoàng Thế P và hộ ông Hoàng Văn N2 là đường thẳng nối giữa các điểm mốc số I, II, III và IV; trong đó: Điểm I là điểm nằm tại phần giao nhau giữa hai bức tường phía Nam của hai hộ; điểm II là điểm cách góc phía Tây Bắc tường móng 0,2m về phía đất hộ ông Năm; điểm III là điểm mốc nằm góc ngoài phía Đông Nam tường móng Nhà vệ sinh của hộ ông Năm; IV

là điểm tạo bởi đường thẳng có độ dài 2,6m chạy dọc theo mép ngoài móng nổi Nhà vệ sinh hộ ông Năm đến ranh giới đất với hộ ông M. (có sơ đồ kèm theo).

Các đương sự có nghĩa vụ tôn trọng ranh giới đã được xác định và tự liên hệ với cơ quan chức năng để điều chỉnh trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Giao Thủy;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- C.C THADS huyện Giao Thủy;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Vũ Hà Nam
(Đã ký)**